



Lenovo ThinkPad T480 Intel® Core™ i5 i5-8250U Laptop 35,6 cm (14") 8 GB DDR4-SDRAM 256 GB SSD Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows 10 Pro Màu đen

Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: ThinkPad

Mã sản phẩm: 20L5S2EN00

Tên mẫu : T480

Lenovo ThinkPad T480. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-8250U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 35,6 cm (14"). Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics 620. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Pro. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Thiết kế		Cổng giao tiếp	
Sản Phẩm *	Laptop	Đầu ra tai nghe	1
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Giắc cắm micro	✗
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓
Vật liệu vỏ bọc	FRP (Nhựa Gia Cố Sợi), Magie	Bộ nổi trạm	✓
Định vị thị trường	Kinh doanh	Chức năng Ngủ và Sạc USB	✓
Màn hình		Cổng Ngủ và Sạc USB	1
Kích thước màn hình *	35,6 cm (14")	Hiệu suất	
Đèn LED phía sau	✓	Chipset bo mạch chủ	Intel SoC
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Bàn phím	
Bề mặt hiển thị	Kiểu matt, không bóng	Thiết bị chỉ điểm	ThinkPad UltraNav
Bộ xử lý		Bàn phím số *	✗
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Bàn phím chống nước	✓
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Các phím Windows	✓
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i5	Phần mềm	
Model vi xử lý *	i5-8250U	Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
Số lõi bộ xử lý	4	Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Pro
Các luồng của bộ xử lý	8	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Tần số turbo tối đa	3,4 GHz	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1356	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Kaby Lake R	Công nghệ InTru™ 3D	✓
Loại bus	OPI	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Chia bậc	Y0		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
Tần số configurable TDP-up	1,8 GHz		
Configurable TDP-up	25 W		
TDP-down có thể cấu hình	10 W		
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz		
Tjunction	100 °C		
Số lượng tối đa đường PCI Express	12		

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Phiên bản PCI Express	3.0	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Cấu hình PCI Express	1x2+2x1, 1x4, 2x2, 4x1	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
ECC được hỗ trợ bởi bộ vi xử lý	✗	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Bộ nhớ		Intel® Enhanced Halt State	✓
Bộ nhớ trong *	8 GB	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Khóa An toàn Intel	✓
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Intel® TSX-NI	✗
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Bộ nhớ trong tối đa *	32 GB	Intel® OS Guard	✓
Dung lượng		Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Kiến trúc Intel® 64	✓
Tổng dung lượng ở cứng SSD	256 GB	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Trạng thái Chờ	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Loại ổ đĩa quang *	✗	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	42 x 24 mm
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Thẻ nhớ tương thích	MMC, SD, SDHC, SDXC	Mã của bộ xử lý	SR3LA
Đồ họa		Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Card đồ họa on-board *	✓	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Họ card đồ họa on-board	Intel® UHD Graphics	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics 620	Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.4	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
ID card đồ họa on-board	0x5917	ID ARK vi xử lý	124967
Âm thanh		Vi xử lý không xung đột	✓
Chip âm thanh	Realtek ALC3287	Pin	
Hệ thống âm thanh	Dolby Audio Premium	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
Số lượng loa gắn liền	2	Điện	
Công suất loa	2 W	Tần số của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	50 - 60 Hz
Micrô gắn kèm	✓	Điện áp đầu vào của bộ tiếp hợp dòng điện xoay chiều	100 - 240 V
Máy ảnh		Bảo mật	
Camera trước	✓	Khe cắm khóa cấp	✓
Độ phân giải camera trước	1280 x 720 pixels	Trusted Platform Module (TPM)	✓
Định dạng camera trước	720p	Mã pin bảo vệ	✓
Loại độ phân giải HD camera trước	HD	Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor
Hệ thống mạng		Chứng nhận	
Wi-Fi	✓	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Chứng nhận	MIL-STD-810G
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n), Wi-Fi 5 (802.11ac)	Tính bền vững	
Loại anten	2x2	Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Dòng bộ điều khiển mạng WLAN	Intel Dual Band Wireless-AC 8265		
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓		
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s		
Bluetooth	✓		
Phiên bản Bluetooth	4.1		
Cổng giao tiếp			

Cổng giao tiếp		Trọng lượng & Kích thước	
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2	Chiều rộng	336,6 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1	Độ dày	232,5 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2)Type-C	1	Chiều cao	19,9 mm
Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1	Nội dung đóng gói	
Số lượng cổng HDMI *	1	Kèm adapter AC *	✓
Phiên bản HDMI	1.4b	Thủ công	✓
		Bao gồm dây điện	✓
		Các đặc điểm khác	
		Bộ nhớ trong tối đa (64-bit)	32 GB

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.